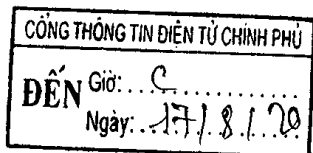


CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 91/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020



NGHỊ ĐỊNH

Chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;**Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;**Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;**Chính phủ ban hành Nghị định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác và quy định về quảng cáo bằng tin nhắn (SMS, MMS, USSD); thư điện tử và gọi điện thoại; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bổ sung quy định xử lý vi phạm hành chính về tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác và gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo tại Việt Nam. Cụ thể như sau:

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet.

2. Tổ chức thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.
3. Doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ thư điện tử.
4. Người quảng cáo bằng tin nhắn, thư điện tử và gọi điện thoại (sau đây gọi là Người quảng cáo).
5. Người sử dụng tin nhắn, thư điện tử, gọi điện thoại liên quan hoạt động quảng cáo (sau đây gọi là Người sử dụng).
6. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo là tin nhắn, thư điện tử, gọi điện thoại nhằm giới thiệu đến công chúng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có mục đích sinh lợi; sản phẩm, dịch vụ không có mục đích sinh lợi; tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được giới thiệu, trừ tin thời sự; chính sách xã hội; thông tin cá nhân; tin nhắn chăm sóc khách hàng của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tin nhắn chăm sóc khách hàng của doanh nghiệp viễn thông là tin nhắn do doanh nghiệp viễn thông gửi đến các khách hàng của mình đang sử dụng dịch vụ viễn thông chỉ để thông báo về các hoạt động, tính năng tiện ích của dịch vụ viễn thông đó.

3. Tin nhắn rác bao gồm các loại sau:

a) Tin nhắn quảng cáo mà không được sự đồng ý trước của Người sử dụng hoặc tin nhắn quảng cáo vi phạm các quy định về gửi tin nhắn quảng cáo tại Nghị định này;

b) Tin nhắn vi phạm các nội dung bị cấm theo quy định tại Điều 9 Luật Giao dịch điện tử, Điều 12 Luật Công nghệ thông tin, Điều 12 Luật Viễn thông, Điều 8 Luật Quảng cáo, Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng, Điều 8 Luật An ninh mạng.

4. Thư điện tử rác bao gồm các loại sau:

a) Thư điện tử quảng cáo mà không được sự đồng ý trước của Người sử dụng hoặc thư điện tử quảng cáo vi phạm các quy định về gửi thư điện tử quảng cáo tại Nghị định này;

b) Thư điện tử vi phạm các nội dung bị cấm theo quy định tại Điều 9 Luật Giao dịch điện tử, Điều 12 Luật Công nghệ thông tin, Điều 12 Luật Viễn thông, Điều 8 Luật Quảng cáo, Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng, Điều 8 Luật An ninh mạng.

5. Cuộc gọi rác bao gồm các loại sau:

a) Gọi điện thoại quảng cáo mà không được sự đồng ý trước của Người sử dụng hoặc gọi điện thoại quảng cáo vi phạm các quy định về gọi điện thoại quảng cáo tại Nghị định này;

b) Gọi điện thoại vi phạm các nội dung bị cấm theo quy định tại Điều 9 Luật Giao dịch điện tử, Điều 12 Luật Công nghệ thông tin, Điều 12 Luật Viễn thông, Điều 8 Luật Quảng cáo, Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng, Điều 8 Luật An ninh mạng.

6. Danh sách đen địa chỉ IP/tên miền là danh sách IP/dải IP hoặc tên miền bị đánh dấu là nguồn phát tán thư điện tử rác của những tổ chức thống kê các máy chủ gửi thư điện tử rác do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định theo từng thời kỳ.

7. Người có quyền sử dụng địa chỉ điện tử là người tạo ra hoặc được cấp địa chỉ điện tử đó.

8. Tiêu đề (header) thư điện tử là phần thông tin được gắn kèm với phần nội dung thư điện tử bao gồm thông tin về nguồn gốc, đích đến, tuyến đường đi, chủ đề và những thông tin khác về thư điện tử đó.

9. Chủ đề (subject) thư điện tử là một phần của tiêu đề nhằm trích yếu nội dung thư điện tử.

Chương II

CHỐNG TIN NHẮN RÁC, THƯ ĐIỆN TỬ RÁC, CUỘC GỌI RÁC

Mục 1

CÁC BIỆN PHÁP CHỐNG, NGĂN CHẶN TIN NHẮN RÁC, THƯ ĐIỆN TỬ RÁC, CUỘC GỌI RÁC

Điều 4. Biện pháp chống, ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác

1. Xây dựng, triển khai các hệ thống chống, ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

2. Xây dựng Bộ tiêu chí nhận diện tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

3. Theo dõi, giám sát, chia sẻ thông tin, dữ liệu về nguồn phát tán tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

4. Tiếp nhận, xử lý phản ánh về tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

5. Giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ quảng cáo qua tin nhắn, thư điện tử, gọi điện thoại.

6. Ngăn chặn, thu hồi địa chỉ điện tử phát tán tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

7. Tăng cường phối hợp trong nước và quốc tế về chống, ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

8. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

Điều 5. Hệ thống tiếp nhận phản ánh tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác

1. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) xây dựng, vận hành Hệ thống tiếp nhận phản ánh tin nhắn rác, cuộc gọi rác (trên đầu số 5656), thư điện tử rác.

2. Khi thực hiện các chương trình quảng cáo, Người quảng cáo bằng tin nhắn phải gửi đồng thời bản sao tin nhắn quảng cáo tới hệ thống phản ánh tin nhắn rác, cuộc gọi rác (trên đầu số 5656) quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet, thư điện tử có thể phản ánh, cung cấp các bằng chứng tới Hệ thống tiếp nhận phản ánh tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Điều phối ngăn chặn, xử lý tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác

1. Thông tin, dữ liệu từ Hệ thống tiếp nhận phản ánh tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác và các nguồn thông tin, dữ liệu khác được sử dụng để điều phối xử lý, ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) là cơ quan điều phối ngăn chặn, xử lý tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

3. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, thư điện tử và Người quảng cáo có trách nhiệm tuân thủ các yêu cầu điều phối ngăn chặn, xử lý tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).

Điều 7. Danh sách không quảng cáo

1. Danh sách không quảng cáo (DoNotCall) là tập hợp số điện thoại mà người có quyền sử dụng số điện thoại đó đã đăng ký không chấp nhận bất kỳ tin nhắn đăng ký quảng cáo, tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo nào.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ viễn thông có quyền đăng ký vào hoặc rút ra khỏi Danh sách không quảng cáo đối với số điện thoại thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình.

3. Người quảng cáo, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet không được phép gọi điện thoại quảng cáo, gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo, gửi tin nhắn quảng cáo tới bất kỳ số điện thoại nào trong Danh sách không quảng cáo.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) tổ chức xây dựng và duy trì, vận hành hệ thống quản lý Danh sách không quảng cáo, hướng dẫn người sử dụng cách đăng ký vào hoặc hủy đăng ký ra khỏi Danh sách không quảng cáo và công khai, cho phép tra cứu Danh sách không quảng cáo trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).

Điều 8. Danh sách đen địa chỉ IP phát tán thư điện tử rác

1. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) tổ chức, xây dựng, định kỳ cập nhật và công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) Danh sách đen địa chỉ IP/tên miền phát tán thư điện tử rác.

2. Tổ chức, Doanh nghiệp, cá nhân sử dụng Danh sách đen địa chỉ IP/tên miền để ngăn chặn phát tán thư điện tử rác.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP, NGƯỜI SỬ DỤNG

Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet, tổ chức thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

1. Hướng dẫn Người sử dụng dịch vụ về cách thức chống tin nhắn rác, cuộc gọi rác.

2. Hướng dẫn, cung cấp cho Người sử dụng các công cụ, ứng dụng để phản ánh tin nhắn rác, cuộc gọi rác và cho phép Người sử dụng chủ động ngăn chặn tin nhắn rác, cuộc gọi rác.

3. Thực hiện triệt để các biện pháp ngăn chặn tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo đến Danh sách không quảng cáo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

4. Ngăn chặn, thu hồi địa chỉ điện tử được dùng để phát tán tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Chủ động đặt ngưỡng tần suất và điều chỉnh tần suất để xác định thuê bao nghi ngờ phát tán tin nhắn rác và đạt được hiệu quả chặn tin nhắn rác tùy theo tính chất, phạm vi và thời điểm chặn tin nhắn rác.

6. Xây dựng, vận hành hệ thống kỹ thuật để chống, ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các giải pháp công nghệ tiên tiến.

7. Cung cấp, cập nhật và chia sẻ các mẫu tin nhắn rác dùng chung cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông khác.

8. Xây dựng, kết nối hệ thống kỹ thuật quản lý tên định danh của mình tới Hệ thống quản lý tên định danh quốc gia; ngăn chặn người quảng cáo gửi tin nhắn sử dụng tên định danh không do Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) cấp.

9. Lưu trữ thông tin đăng ký quảng cáo, thông tin yêu cầu từ chối, thông tin xác nhận từ chối của Người sử dụng trong trường hợp Người sử dụng thực hiện các hành động đăng ký, từ chối, xác nhận từ chối quảng cáo bằng hình thức tin nhắn qua hệ thống của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông trong thời gian tối thiểu là 01 năm.

10. Xây dựng, cập nhật, cung cấp và chia sẻ Danh sách đen địa chỉ IP/tên miền phát tán thư điện tử rác dùng chung cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet khác.

11. Căn cứ vào bộ tiêu chí nhận diện tin nhắn rác, cuộc gọi rác để thực hiện các biện pháp chống, ngăn chặn tin nhắn rác, cuộc gọi rác.

12. Chặn lọc các địa chỉ IP/tên miền phát tán hoặc bị lạm dụng phát tán thư điện tử rác thuộc quyền quản lý của mình.

13. Phối hợp với Người quảng cáo, các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet trong nước và quốc tế để ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

14. Thực hiện các biện pháp đánh giá tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác trên mạng viễn thông của mình và báo cáo, thống kê định kỳ theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).

15. Không được thu cước tin nhắn khi:

a) Người sử dụng nhấn tin từ chối nhận quảng cáo;

b) Các tin nhắn quảng cáo lỗi;

c) Tin nhắn có nội dung, giá cước không chính xác mà người quảng cáo đã công bố.

16. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thư điện tử

1. Hướng dẫn Người sử dụng về cách thức chống thư điện tử rác.

2. Hướng dẫn, cung cấp công cụ, ứng dụng cho phép Người sử dụng tự chủ động ngăn chặn thư điện tử rác và phản ánh về thư điện tử rác.

3. Có biện pháp chặn, lọc, cập nhật danh sách các nguồn phát tán thư điện tử rác và có giải pháp để tránh mất mát và ngăn chặn nhầm thư điện tử của Người sử dụng.

4. Giám sát, kiểm soát, rà quét hệ thống máy chủ thư điện tử của mình để đảm bảo không trở thành nguồn phát tán thư điện tử rác.

5. Căn cứ vào bộ tiêu chí nhận diện thư điện tử rác để thực hiện các biện pháp chống, ngăn chặn thư điện tử rác.

6. Lưu lại phần tiêu đề thư điện tử trong thời gian tối thiểu là 180 ngày để phục vụ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thư điện tử quảng cáo.

7. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm của Người quảng cáo

1. Phải kiểm tra Danh sách không quảng cáo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này để tránh việc gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo, tin nhắn quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo đến các số điện thoại trong danh sách này.

2. Chỉ được phép gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo đến Người sử dụng khi được Người sử dụng đồng ý trước về việc nhận quảng cáo qua một trong các cách sau:

a) Đồng ý nhận tin nhắn quảng cáo sau khi Người quảng cáo gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo đầu tiên và duy nhất;

b) Khai báo và xác nhận vào mẫu đăng ký trên giấy in, Công/Trang thông tin điện tử, các ứng dụng trực tuyến, mạng xã hội của Người quảng cáo;

c) Gọi điện thoại hoặc nhắn tin đến tổng đài thoại của Người quảng cáo để đăng ký;

d) Sử dụng phần mềm hỗ trợ đăng ký nhận quảng cáo.

3. Cung cấp cho Người sử dụng công cụ tra cứu hoặc lưu trữ các thỏa thuận về việc đăng ký, từ chối nhận tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo trên Cổng/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội của mình để phục vụ việc thanh, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Chịu trách nhiệm và phải có biện pháp kiểm tra việc đã đồng ý trước một cách rõ ràng của Người sử dụng khi gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo.

5. Có giải pháp hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho Người sử dụng trong việc từ chối nhận tin nhắn quảng cáo theo Điều 16, thư điện tử quảng cáo theo Điều 20 Nghị định này.

6. Phối hợp với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, thư điện tử và các cơ quan tổ chức khác có liên quan trong việc quảng cáo qua tin nhắn, thư điện tử, gọi điện thoại.

7. Lưu trữ thông tin đăng ký nhận quảng cáo, thông tin yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận từ chối của người sử dụng để phục vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát trong thời gian tối thiểu là 01 năm.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng

1. Chuyển tiếp thông tin về tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác về hệ thống tiếp nhận phản ánh tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) hoặc của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, thư điện tử.

2. Được quyền nhận hoặc từ chối nhận quảng cáo.

3. Phối hợp với tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, thư điện tử, Người quảng cáo và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

Chương III

QUẢNG CÁO QUA TIN NHẮN, THƯ ĐIỆN TỬ, GỌI ĐIỆN THOẠI

Mục 1

QUY ĐỊNH QUẢNG CÁO QUA VIỆC GỬI TIN NHẮN, THƯ ĐIỆN TỬ, GỌI ĐIỆN THOẠI

Điều 13. Nguyên tắc gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo

1. Không được phép gửi tin nhắn quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo đến các số điện thoại nằm trong Danh sách không quảng cáo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này hoặc Người sử dụng không đồng ý nhận quảng cáo trước đó.

2. Đối với quảng cáo qua tin nhắn và đối với số điện thoại ngoài Danh sách không quảng cáo, Người quảng cáo chỉ được phép gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo đầu tiên và duy nhất. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết việc gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo.

3. Trường hợp Người sử dụng từ chối nhận quảng cáo hoặc không trả lời sau khi nhận tin nhắn đăng ký quảng cáo đầu tiên, Người quảng cáo không được phép gửi bất kỳ tin nhắn đăng ký quảng cáo hoặc tin nhắn quảng cáo nào đến số điện thoại đó.

4. Phải chấm dứt việc gửi đến Người sử dụng nhận các tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo hoặc thực hiện gọi điện thoại quảng cáo ngay sau khi nhận được yêu cầu từ chối của Người sử dụng.

5. Mỗi Người quảng cáo không được phép gửi quá 03 tin nhắn quảng cáo tới một số điện thoại, 03 thư điện tử quảng cáo tới một địa chỉ thư điện tử, 01 cuộc gọi điện thoại quảng cáo tới một số điện thoại trong vòng 24 giờ trừ trường hợp đã có thỏa thuận khác với Người sử dụng.

6. Chỉ được gửi tin nhắn trong khoảng thời gian từ 07 giờ đến 22 giờ mỗi ngày, gọi điện thoại quảng cáo từ 08 giờ đến 17 giờ mỗi ngày trừ trường hợp đã có thỏa thuận khác với Người sử dụng.

7. Nội dung quảng cáo phải phù hợp với quy định của pháp luật về quảng cáo.

8. Chỉ được gửi tin nhắn quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo khi đã được cấp tên định danh và không được phép sử dụng số điện thoại để gửi tin nhắn quảng cáo hoặc gọi điện thoại quảng cáo.

Điều 14. Yêu cầu đối với tin nhắn quảng cáo

1. Tin nhắn quảng cáo phải được gắn nhãn theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Trong trường hợp quảng cáo cho các dịch vụ có thu cước thì phải cung cấp đầy đủ thông tin về giá cước.

3. Có chức năng từ chối theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

Điều 15. Yêu cầu về gắn nhãn tin nhắn quảng cáo

1. Mọi tin nhắn quảng cáo đều phải gắn nhãn.

2. Nhãn được đặt ở vị trí đầu tiên trong phần nội dung tin nhắn.

3. Nhãn có dạng [QC] hoặc [AD].

Điều 16. Yêu cầu về chức năng từ chối nhận tin nhắn quảng cáo

1. Phần thông tin cho phép Người sử dụng từ chối nhận tin nhắn quảng cáo phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đặt ở cuối tin nhắn quảng cáo và được thể hiện một cách rõ ràng;
- b) Phải có phần hướng dẫn Người sử dụng từ chối nhận tin nhắn quảng cáo mà người sử dụng đã đăng ký trước đó;
- c) Trong trường hợp cần thiết, người quảng cáo bằng tin nhắn có thể cung cấp khả năng từ chối bổ sung như từ chối một sản phẩm hoặc từ chối một nhóm sản phẩm;
- d) Có hướng dẫn rõ ràng về từ chối theo quy định tại các điểm b và điểm c khoản 1 và các hình thức từ chối theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hình thức từ chối nhận tin nhắn quảng cáo phải bao gồm:

- a) Từ chối bằng tin nhắn;
- b) Từ chối qua gọi điện thoại.

3. Ngay khi nhận được yêu cầu từ chối, Người quảng cáo phải gửi ngay thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối và phải chấm dứt việc gửi loại tin nhắn quảng cáo đã bị từ chối đến Người sử dụng.

4. Thông tin xác nhận đảm bảo các yêu cầu:

- a) Thông báo đã nhận được yêu cầu từ chối, thời gian nhận yêu cầu từ chối và thời điểm ngừng gửi tin nhắn quảng cáo;
- b) Chỉ được gửi thành công một lần và không chứa thông tin quảng cáo.

Điều 17. Yêu cầu đối với thư điện tử quảng cáo

1. Chủ đề phải phù hợp với nội dung và nội dung quảng cáo phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật về quảng cáo.

2. Thư điện tử quảng cáo phải được gắn nhãn theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

3. Có thông tin về Người quảng cáo theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

4. Trong trường hợp quảng cáo cho các dịch vụ có thu cước thì phải cung cấp đầy đủ thông tin về giá cước.

5. Có chức năng từ chối theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

Điều 18. Yêu cầu gắn nhãn thư điện tử quảng cáo

1. Mọi thư điện tử quảng cáo đều phải gắn nhãn.
2. Nhãn được đặt ở vị trí đầu tiên trong phần chủ đề.
3. Nhãn có dạng [QC] hoặc [AD].

Điều 19. Yêu cầu về thông tin của người quảng cáo bằng thư điện tử

1. Thông tin về Người quảng cáo bao gồm tên, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ địa lý, địa chỉ Công/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội (nếu có).
2. Thông tin về Người quảng cáo bằng thư điện tử phải được thể hiện một cách rõ ràng và đặt liền trước phần lựa chọn cho phép Người sử dụng từ chối nhận thư điện tử quảng cáo.

Điều 20. Yêu cầu về chức năng từ chối nhận thư điện tử quảng cáo

1. Phần thông tin cho phép Người sử dụng từ chối nhận thư điện tử quảng cáo phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Đặt ở cuối thư điện tử quảng cáo và được thể hiện một cách rõ ràng;
 - b) Phải có phần khẳng định Người sử dụng có quyền từ chối tất cả sản phẩm từ người quảng cáo;
 - c) Trong trường hợp cần thiết, Người quảng cáo bằng thư điện tử phải cung cấp khả năng từ chối bổ sung như từ chối một sản phẩm hoặc từ chối một nhóm sản phẩm;
 - d) Có hướng dẫn rõ ràng về các từ chối theo các điểm b, điểm c khoản 1 và các hình thức từ chối theo quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Hình thức từ chối nhận thư điện tử quảng cáo phải bao gồm:
 - a) Từ chối qua Công/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội;
 - b) Từ chối bằng thư điện tử;
 - c) Từ chối qua điện thoại.
3. Ngay khi nhận được yêu cầu từ chối, Người quảng cáo phải gửi ngay thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối và phải chấm dứt việc gửi thư điện tử quảng cáo đã bị từ chối đến Người sử dụng.

4. Thông tin xác nhận đảm bảo các yêu cầu:

a) Có phần khẳng định đã nhận được yêu cầu từ chối, thời gian nhận yêu cầu từ chối và thời điểm ngừng gửi thư điện tử quảng cáo;

b) Chỉ được gửi thành công một lần và không chứa thông tin quảng cáo.

Điều 21. Yêu cầu đối với cuộc gọi điện thoại quảng cáo

1. Mọi cuộc gọi điện thoại quảng cáo đều phải có đầy đủ thông tin về người thực hiện cuộc gọi điện thoại quảng cáo (gồm tên, địa chỉ) và được giới thiệu đầu tiên trước khi cung cấp nội dung quảng cáo. Trong trường hợp quảng cáo cho các dịch vụ có thu cước thì phải cung cấp đầy đủ thông tin về giá cước.

2. Trường hợp Người sử dụng từ chối nhận cuộc gọi điện thoại quảng cáo, Người quảng cáo phải chấm dứt ngay việc tiếp tục gọi điện thoại quảng cáo đến Người sử dụng đó.

Mục 2 HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÊN ĐỊNH DANH

Điều 22. Hệ thống quản lý tên định danh quốc gia

1. Là hệ thống có chức năng quản lý, lưu trữ tên định danh trên phạm vi toàn quốc.

2. Mọi tổ chức, cá nhân có thể thực hiện tra cứu thông tin về tên định danh trên Hệ thống quản lý tên định danh quốc gia, dưới hình thức trực tuyến tại địa chỉ tendinhdanh.ais.gov.vn.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) xây dựng, vận hành Hệ thống quản lý tên định danh quốc gia.

Điều 23. Quy định về việc sử dụng tên định danh

1. Tên định danh (brandname) người gửi dùng trong hoạt động quảng cáo bằng tin nhắn, gọi điện thoại (sau đây gọi tắt là tên định danh) bao gồm không quá 11 ký tự viết liền nhau sử dụng chữ cái Latin, chữ số (từ 0 đến 9) hoặc các ký tự (-), (), (.), khoảng trắng; không phân biệt chữ hoa, chữ thường; không là một tập hợp chỉ gồm các chữ số và được sử dụng để hiển thị hoặc xác định thông tin về nguồn gửi.

2. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền đăng ký và sử dụng tên định danh với số lượng không giới hạn cho mục đích quảng cáo bằng tin nhắn, gọi điện thoại.

3. Tên định danh được cấp cho tổ chức, cá nhân là duy nhất trong Hệ thống tên định danh quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) cấp và có thời hạn sử dụng là 03 năm kể từ ngày được cấp.

4. Việc đăng ký và sử dụng tên định danh được thực hiện theo các nguyên tắc sau: Bình đẳng, không phân biệt đối xử; đăng ký trước được quyền sử dụng trước; tránh gây sự hiểu nhầm hoặc xuyên tạc do tính đa âm, đa nghĩa hoặc không dùng dấu trong tiếng Việt.

5. Tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng tên định danh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích sử dụng, tính chính xác của thông tin đăng ký và tính xác thực của các tài liệu, thông tin trong hồ sơ đăng ký.

6. Tổ chức, cá nhân không được sử dụng các tên định danh không phải do Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) cấp hoặc đã được Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) cấp cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp được tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng tên định danh cho phép, không được xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đã đăng ký tên định danh.

7. Tổ chức, cá nhân không được sử dụng tên định danh sau khi bị thu hồi.

8. Tổ chức, cá nhân được cấp tên định danh phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và nộp chi phí duy trì hoạt động tên định danh theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 24. Hồ sơ đăng ký cấp tên định danh

Hồ sơ đăng ký cấp tên định danh bao gồm:

1. Đối với tổ chức

a) Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập của tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đăng ký nhiều tên định danh cùng một lần thì chỉ cung cấp 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc 01 quyết định thành lập của tổ chức được chứng thực;

b) Bản khai đăng ký tên định danh theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Các giấy tờ khác có liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký thương hiệu (nếu có).

2. Đối với cá nhân

- a) Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
- b) Bản khai đăng ký tên định danh theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- c) Các giấy tờ khác có liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký thương hiệu (nếu có).

Điều 25. Phương thức nộp hồ sơ đăng ký cấp tên định danh

Việc nộp hồ sơ đăng ký cấp tên định danh được thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:

1. Nộp hồ sơ giấy thông qua dịch vụ bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).
2. Nộp hồ sơ trực tuyến tại Hệ thống quản lý tên định danh quốc gia tại địa chỉ tendinhdanh.ais.gov.vn.

Điều 26. Cấp Giấy chứng nhận tên định danh

1. Ngay sau khi nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) có trách nhiệm xác nhận việc đã nhận hồ sơ bằng cách gửi thư điện tử hoặc tin nhắn thông báo đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký, trong nội dung thông báo ghi cụ thể ngày, giờ đã nhận hồ sơ.

2. Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và quyết định một trong các trường hợp sau:

a) Cấp tên định danh cho tổ chức, cá nhân và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết thông qua thư điện tử hoặc tin nhắn. Sau khi tổ chức, cá nhân nộp lệ phí theo quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) có trách nhiệm gửi giấy chứng nhận tên định danh quy định theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này thông qua thư điện tử;

b) Không cấp tên định danh cho tổ chức, cá nhân đối với trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc cần làm rõ, tổ chức, cá nhân bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ và nộp lại hồ sơ theo quy định tại Điều 25 Nghị định này và thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân thông qua thư điện tử hoặc tin nhắn.

Điều 27. Cấp lại Giấy chứng nhận tên định danh

1. Trong trường hợp Giấy chứng nhận tên định danh có sự thay đổi một trong những thông tin liên quan tới tên định danh đã được cấp hoặc bị mất, tổ chức, cá nhân thực hiện gửi bản khai tên định danh với các thông tin cập nhật

theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) cấp lại Giấy chứng nhận tên định danh theo quy định tại Điều 26 Nghị định này với thời hạn giữ nguyên như giấy chứng nhận tên định danh đã được cấp trước đây.

Điều 28. Gia hạn Giấy chứng nhận tên định danh

1. Gia hạn Giấy chứng nhận tên định danh là việc cấp Giấy chứng nhận tên định danh cho tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận tên định danh với thời hạn mới.

2. Trước thời điểm hết hạn ít nhất 15 ngày, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi Bản khai tên định danh với các thông tin cập nhật theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và các tài liệu có liên quan đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) gia hạn Giấy chứng nhận tên định danh theo quy định tại Điều 26 Nghị định này, tên định danh được gia hạn nhiều lần, thời gian cho 01 lần gia hạn tên định danh là 03 năm.

Điều 29. Thu hồi tên định danh

1. Việc thu hồi tên định danh thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Sử dụng tên định danh để gửi tin nhắn rác hoặc thực hiện cuộc gọi rác hoặc cung cấp các dịch vụ vi phạm các quy định của pháp luật theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Chậm nộp chi phí duy trì hoạt động tên định danh quá thời gian 30 ngày;

c) Tên định danh hết hạn sử dụng và chưa được cấp gia hạn;

d) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân sử dụng tên định danh;

đ) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) thông báo việc thu hồi tên định danh và gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua thư điện tử hoặc tin nhắn và công bố công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử www.ais.gov.vn.

Mục 3

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 30. Chế độ báo cáo

1. Tổ chức, cá nhân được cấp tên định danh có trách nhiệm báo cáo hàng năm theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).

2. Doanh nghiệp viễn thông được cấp tên định danh có trách nhiệm báo cáo hàng năm theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).

3. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ tin nhắn có trách nhiệm báo cáo hàng năm theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).

Điều 31. Thời gian, hình thức báo cáo

1. Thời gian báo cáo: Báo cáo định kỳ hàng năm thực hiện trước ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo, thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Báo cáo (thông tin chi tiết về cách thức báo cáo được đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin)) theo hình thức gửi bản mềm có xác thực gửi về hòm thư điện tử baocaospam@ais.gov.vn và cập nhật vào Hệ thống quản lý tên định danh quốc gia.

Chương IV

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 32. Bổ sung điểm c, d, đ khoản 2; điểm p, q, r, s khoản 4; điểm e, g khoản 6, khoản 7a, điểm c khoản 10 Điều 94 của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử

“Điều 94. Vi phạm quy định liên quan tới thư điện tử, tin nhắn, gọi điện thoại cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

c) Gọi điện thoại quảng cáo đến người sử dụng khi chưa được người sử dụng đồng ý một cách rõ ràng;

d) Gọi điện thoại quảng cáo đến người sử dụng đã từ chối nhận cuộc gọi quảng cáo;

đ) Gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo khi người sử dụng đã từ chối hoặc không trả lời nhận tin nhắn đăng ký quảng cáo.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

p) Thực hiện quá 01 cuộc gọi quảng cáo tới 01 số điện thoại trong vòng 24 giờ mà không có thỏa thuận khác với người sử dụng;

q) Gọi điện thoại quảng cáo ngoài khoảng thời gian từ 08 giờ đến 17 giờ mỗi ngày mà không có thỏa thuận khác với người sử dụng;

r) Không có biện pháp kiểm tra việc đã đồng ý trước một cách rõ ràng của người sử dụng khi gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo;

s) Không cung cấp cho người sử dụng công cụ tra cứu hoặc lưu trữ các thỏa thuận về việc đăng ký, từ chối cuộc gọi quảng cáo, tin nhắn đăng ký quảng cáo trên Cổng/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội của mình để phục vụ việc thanh, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

e) Gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo không đúng quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

g) Gửi bất kỳ tin nhắn đăng ký quảng cáo nào đến các số điện thoại nằm trong Danh sách không quảng cáo.

7a. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gửi tin nhắn quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo đến các số điện thoại nằm trong Danh sách không quảng cáo.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

c) Buộc thu hồi số điện thoại do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.”.

Điều 33. Bổ sung điểm c, d, đ, e khoản 1; điểm e khoản 2; điểm l, m, n, o, khoản 3, khoản 3a, khoản 3b, khoản 4a Điều 95 của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử

“Điều 95. Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ thư điện tử, tin nhắn, gọi điện thoại quảng cáo, dịch vụ nội dung qua tin nhắn

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

c) Không cung cấp công cụ, ứng dụng cho phép người sử dụng tự chủ động ngăn chặn thư điện tử rác và phản ánh về thư điện tử rác;

d) Không có biện pháp chặn, lọc, cập nhật danh sách các nguồn phát tán thư điện tử rác hoặc không có giải pháp để tránh mất mát và ngăn chặn nhầm thư điện tử của người sử dụng;

đ) Không giám sát, kiểm soát, rà quét hệ thống máy chủ thư điện tử của mình để đảm bảo không trở thành nguồn phát tán thư điện tử rác;

e) Không báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

e) Không xây dựng, cập nhật, cung cấp và chia sẻ danh sách đen địa chỉ IP/tên miền phát tán thư điện tử rác dùng chung cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) và các doanh nghiệp viễn thông, Internet khác.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

l) Không cung cấp cho người sử dụng các công cụ, ứng dụng để phản ánh tin nhắn rác, cuộc gọi rác và cho phép người sử dụng chủ động ngăn chặn tin nhắn rác, cuộc gọi rác;

m) Không cung cấp, cập nhật và chia sẻ các mẫu tin nhắn rác dùng chung cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) và các doanh nghiệp viễn thông khác;

n) Không chặn lọc các địa chỉ IP/tên miền phát tán hoặc bị lạm dụng phát tán thư điện tử rác thuộc quyền quản lý của mình;

o) Không thực hiện các biện pháp đánh giá tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác trên mạng viễn thông của mình.

3a. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các tên định danh không phải do Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) cấp hoặc đã được Bộ Thông tin Truyền thông (Cục An toàn thông tin) cấp cho tổ chức, cá nhân khác mà không được tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng tên định danh đó cho phép hoặc sử dụng tên định sau khi bị thu hồi.

3b. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tên định danh để gửi tin nhắn rác hoặc cung cấp các dịch vụ vi phạm các quy định của pháp luật theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4a. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng đối với các hành vi:

a) Không thực hiện các biện pháp ngăn chặn tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo đến Danh sách không quảng cáo;

b) Không ngăn chặn, thu hồi địa chỉ điện tử được dùng để phát tán tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không xây dựng, vận hành hệ thống kỹ thuật để phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác;

d) Không xây dựng, kết nối hệ thống kỹ thuật quản lý tên định danh của mình tới Hệ thống quản lý tên định danh quốc gia;

đ) Không thực hiện các nhiệm vụ điều phối ngăn chặn, xử lý thư điện tử rác, cuộc gọi rác và các biện pháp nghiệp vụ khác theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).”.

Điều 34. Bổ sung điểm e, g khoản 2 Điều 120 của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử

“Điều 120. Phân định thẩm quyền xử phạt

2. Công an nhân dân:

e) Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 7a, Điều 32 Nghị định này;

g) Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế có quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 7a, Điều 32 Nghị định này.”.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2020.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác.

Điều 36. Quy định chuyển tiếp

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm chuyển hồ sơ (bản điện tử) các tên định danh đã được khai báo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).

Trong vòng 180 ngày kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) công bố danh sách các tên định danh hợp pháp trên cơ sở xem xét hồ sơ đã được doanh nghiệp viễn thông cung cấp. Các tên định danh đã khai báo không nằm trong danh sách tên định danh hợp pháp phải tiến hành thủ tục đăng ký cấp tên định danh mới theo quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 26 Nghị định này.

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) có trách nhiệm chuyển hệ thống tiếp nhận phản ánh tin nhắn rác trên đầu số 456 sang hệ thống tiếp nhận phản ánh trên đầu số mới 5656.

Đối với quy định tại Điều 33 về việc bổ sung khoản 3a, khoản 3b Điều 95 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử, được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2021.

Điều 37. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác phòng chống, đấu tranh với các hoạt động gửi tin nhắn, thư điện tử, gọi điện thoại có mục đích lừa đảo, quấy rối, phát tán mã độc, phần mềm gây hại hoặc vi phạm các nội dung bị cấm theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). 110





Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 91 /2020/NĐ-CP
ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Bản khai tên định danh
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận tên định danh
Mẫu số 03	Giấy ủy quyền
Mẫu số 04	Báo cáo định kỳ của các tổ chức, cá nhân được cấp tên định danh
Mẫu số 05	Báo cáo định kỳ của Doanh nghiệp viễn thông được cấp tên định danh
Mẫu số 06	Báo cáo định kỳ về tin nhắn đối với doanh nghiệp viễn thông

BẢN KHAI (1) TÊN ĐỊNH DANH

Căn cứ Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

..... (2) đề nghị được (1) tên định danh với các nội dung sau:

Phần 1: Thông tin chung

1. Tên định danh đăng ký	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
2. Hình thức sử dụng (Cuộc gọi hoặc tin nhắn):	
3. Sản phẩm/dịch vụ dự kiến sử dụng tên định danh (đề nghị cung cấp tài liệu về sản phẩm, dịch vụ, ... kèm theo)	
4. Lĩnh vực hoạt động (xem danh sách tại website)	
5. Dự kiến sử dụng tên định danh trên các mạng	Viettel <input type="checkbox"/> MobiFone <input type="checkbox"/> Vinaphone <input type="checkbox"/> Vietnamobile <input type="checkbox"/> Gtel <input type="checkbox"/> Mạng khác <input type="checkbox"/>

6. Cá nhân, Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký		
6.1. Tên Cá nhân, Tổ chức/doanh nghiệp *		
6.2. Giấy ĐKKD, CMND/Hộ chiếu		
6.3. Địa chỉ *		
6.4. Điện thoại *	6.5. Fax	6.6. Email *

7. Người quản lý tên định danh (phải là cá nhân)		
7.1. Họ và tên *		
7.2. CMND/Hộ chiếu	7.3. Ngày tháng năm sinh	7.4. Giới tính*/Chức vụ
7.5. Địa chỉ *		
7.6. Điện thoại *	7.7. Fax	7.8. Email *

8. Người đại diện làm thủ tục đăng ký tên định danh (phải là cá nhân). (3)		
8.1. Họ và tên *		
8.2. CMND/Hộ chiếu	8.3. Ngày tháng năm sinh	8.4. Giới tính*/Chức vụ
8.5. Địa chỉ *		
8.6. Điện thoại *	8.7. Fax	8.8. Email *

Phần 2. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....

Phần 3. Cam kết

..... (2) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị (1) tên định danh và các tài liệu kèm theo.

2. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích sử dụng và tính chính xác của các thông tin cung cấp, đảm bảo việc đăng ký và sử dụng tên định danh đúng quy định và không vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức khác.

3. Cập nhật kịp thời thông tin liên quan tới tên định danh mỗi khi có thay đổi.

4. Nếu được (1) tên định danh, (2) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về sử dụng tên định danh, quảng cáo qua tin nhắn, gọi điện thoại và các quy định khác có liên quan./.

....., ngày.... thángnăm...

**Xác nhận của cá nhân, tổ chức/
doanh nghiệp đăng ký tên định danh**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

***Ghi chú:**

1. Cấp/cấp lại/gia hạn.
2. Tên Cá nhân, tổ chức/doanh nghiệp.
3. Trong trường hợp tổ chức, doanh nghiệp ủy quyền cho đơn vị khác đăng ký, hai bên làm Giấy Ủy quyền theo Mẫu số 03.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC AN TOÀN THÔNG TIN



GIẤY CHỨNG NHẬN TÊN ĐỊNH DANH

Số:...../CATTT-TDD

Tên định danh đăng ký sử dụng:

Tên cá nhân, tổ chức/doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Quyết định thành lập/Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp/CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Thời hạn sử dụng tên định danh: Từ ngày đến ngày.....

Việc gia hạn hiệu lực sử dụng tiếp theo sẽ được xác định trên cơ sở đóng chi phí duy trì tên định danh của cá nhân, tổ chức/doanh nghiệp đăng ký./.

Hà Nội, ngày tháng năm

CỤC TRƯỞNG

Số Thông báo:...../TB-CATTT

Vào sổ số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ vào các văn bản hiến pháp hiện hành.

....., ngày tháng năm 20..... chúng tôi gồm có:

1. Bên Ủy quyền:

- Họ tên:

- Địa chỉ:

- Số CMND: cấp ngày:..... nơi cấp:

- Quốc tịch:

- Là đại diện cho Công ty....., địa chỉ tại....., giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....

2. Bên được Ủy quyền:

- Họ tên:.....

- Địa chỉ:.....

- Số CMND: cấp ngày: nơi cấp:

- Quốc tịch:

- Là đại diện cho Công ty....., địa chỉ tại....., giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....

3. Nội dung ủy quyền:

Thực hiện các thủ tục đăng ký tên định danh với Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).

4. Thời hạn ủy quyền:

Từ ngàytháng..... năm..... đến ngày.....thángnăm.....

5. Cam kết

- Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên.

- Mọi tranh chấp phát sinh giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền sẽ do hai bên tự giải quyết.

Giấy ủy quyền trên được lập thành bản, mỗi bên giữ bản.

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, họ tên, đóng dấu (nếu có))

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, họ tên, đóng dấu (nếu có))

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngàythángnăm

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP
TÊN ĐỊNH DANH***(Kỳ báo cáo từ ngày ... /..... /20..... đến/...../20.....)*

Kính gửi: Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tên doanh nghiệp/tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

1. Tổng doanh thu và mức độ tăng trưởng từ dịch vụ quảng cáo bằng tên định danh trong kỳ báo cáo

- Tổng doanh thu trong kỳ báo cáo:.....

- Mức độ tăng trưởng so với kỳ báo cáo trước

2. Tổng doanh thu và mức độ tăng trưởng từ dịch vụ nội dung bằng tên định danh trong kỳ báo cáo

- Tổng doanh thu trong kỳ báo cáo:.....

- Mức độ tăng trưởng so với kỳ báo cáo trước

3. Tổng hợp thống kê về việc sử dụng tên định danh

a) Đối với quảng cáo bằng tin nhắn

Tên chương trình quảng cáo gửi tin nhắn sử dụng tên định danh	Tên định danh sử dụng	Nội dung gửi (theo từng chương trình và tên định danh sử dụng)	Số lượng gửi tin	Thời gian gửi tin

b) Đối với quảng cáo bằng cuộc gọi

Tên chương trình quảng cáo gọi điện thoại sử dụng tên định danh	Tên định danh sử dụng	Nội dung gọi điện (theo từng chương trình và tên định danh sử dụng)	Số lượng cuộc gọi	Thời gian gọi điện

4. Kiến nghị:

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

4. Tổng hợp thống kê về việc sử dụng tên định danh theo sản phẩm, dịch vụ

STT	Sản phẩm, dịch vụ	Số kịch bản quảng cáo sử dụng tên định danh		Số tin nhắn sử dụng tên định danh		Số cuộc gọi sử dụng tên định danh	
		Tổng số	Tăng/giảm (so với kỳ trước)	Tổng số	Tăng/giảm (so với kỳ trước)	Tổng số	Tăng/giảm (so với kỳ trước)

5. Thống kê các mức cước tin nhắn sử dụng tên định danh

STT	Sản phẩm, dịch vụ	Mức cước tương ứng	Số kịch bản quảng cáo	Số tin nhắn quảng cáo	Số cuộc gọi quảng cáo

Chú thích: Các cột Tăng/giảm thể hiện % mức độ tăng/giảm so với kỳ báo cáo trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm; kịch bản quảng cáo là một bản tin (mẫu) quảng cáo, cuộc gọi (mẫu) quảng cáo, đại diện cho một chương trình (campaign) quảng cáo.

6. Kiến nghị

.....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP
 (Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngàythángnăm

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ TIN NHẮN
ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG
(Kỳ báo cáo từ ngày /..... /20..... đến /..... /20.....)

Kính gửi: Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

1. Tổng hợp thống kê về tình hình trao đổi tin nhắn trong kỳ báo cáo

Tin nhắn								Tin nhắn quảng cáo			
Gửi đi (1)				Nhận (2)				Từ người quảng cáo			
Tổng số tin nhắn	Tăng giảm	Tổng số thuê bao	Tăng giảm	Tổng số	Tăng giảm	Tổng số thuê bao	Tăng giảm	Tổng số tin nhắn	Tăng giảm	Tổng số người quảng cáo	Tăng giảm

2. Tổng hợp thống kê về tình hình tin nhắn rác trong kỳ báo cáo

Số báo cáo tin nhắn rác nhận được				Tin nhắn rác đã được ngăn chặn			
Tổng số	Tăng giảm	Số lượng đã được xử lý		Tổng số	Tăng giảm	Lượng tin nhắn chặn sai (3)	
		Tổng số	Tăng giảm			Tổng số	Tăng giảm

Chú thích: Các cột Tăng/giảm thể hiện % mức độ tăng/giảm so với năm trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm.

(1) Tin nhắn gửi tới các thuê bao của doanh nghiệp viễn thông.

(2) Tin nhắn đi từ các thuê bao của doanh nghiệp viễn thông.

(3) Tin nhắn chặn sai do người sử dụng phản ánh.

3. Kiến nghị

.....

.....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP
(Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)